

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/DS-ST

Ngày: 28-4-2023

“V/v Tranh chấp hợp đồng góp hội”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA - TỈNH LONG AN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Phong
2. Ông Trần Văn Nhị

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 244/2022/TLST-DS, ngày 30 tháng 01 năm 2023. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2023/QĐXXST-DS, ngày 12 tháng 4 năm 2023 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đặng Văn B, sinh năm 1957. Địa chỉ: ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị T sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh Long An. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị T sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh Long An. Văn bản ủy quyền ngày 02/3/2023.

(ông B có mặt, Bà T ông V xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đặng Văn B trình bày: Bà T có tham gia hội do ông B làm chủ, hội hoa hồng cụ thể như sau:

- Dãy hội thứ 1: Hội trị giá 3.000.000đ, khai ngày 15/9/2020 âm lịch, 01 tháng khai một lần, hội gồm 22 phần, Bà T tham gia 01 phần, trong phiếu hội tên

Thúy (Gái) số thứ tự là 3, Bà T đã hốt hui vào kỳ hui thứ 3 ngày 15/12/2020 âm lịch, được số tiền 48.960.000đ, đã trừ tiền còn 1.500.000đ, ông B đã giao đủ tiền hui cho Bà T. Sau khi hốt hui Bà T không đóng hui 04 kỳ hui cuối số tiền 12.000.000đ, ông B đã đóng hui thay cho Bà T 12.000.000đ, hui đã mãn vào ngày 15/10/2022 âm lịch. Tuy nhiên tính đến ngày ông B nộp đơn khởi kiện thì dây hui này Bà T còn nợ ông 03 kỳ số tiền 9.000.000đ, còn 01 kỳ khi nộp đơn chưa đến hạn nên ông B khởi kiện Bà T sau.

- Dây hui thứ 2: Hui trị giá 2.000.000đ, khai ngày 10/11/2020 dương lịch, 01 tháng khai một lần, hui gồm 26 phần, Bà T tham gia 01 phần, trong phiếu hui tên Thúy (Gái) số thứ tự là 16, Bà T đã hốt hui vào kỳ hui thứ 8 ngày 10/6/2021 dương lịch, được số tiền 42.260.000đ, đã trừ tiền còn 1.000.000đ, ông B đã giao đủ tiền hui cho Bà T. Hui có ngưng 03 kỳ do dịch covid. Sau khi hốt hui Bà T không đóng hui đầy đủ, tính đến ngày nộp đơn khởi kiện Bà T không đóng hui 05 kỳ hui số tiền 10.000.000đ, ông B đã đóng hui thay cho Bà T 10.000.000đ, hui chưa mãn, hui mãn ngày 10/3/2023 dương lịch. Tính đến ngày nộp đơn khởi kiện dây hui này Bà T còn nợ ông B 10.000.000đ.

Dây hui thứ 3: Hui trị giá 3.000.000đ, khai ngày 05/01/2022 âm lịch, 01 tháng khai một lần, hui gồm 19 phần, Bà T tham gia 02 phần, trong phiếu hui tên Thúy (Gái) số thứ tự là 12, 13, Bà T đã hốt hui vào kỳ hui thứ 3 ngày 05/3/2022 âm lịch, được số tiền 41.700.000đ, đã trừ tiền còn 1.500.000đ và hốt hui vào kỳ hui thứ 4 ngày 05/4/2022 âm lịch được số tiền 41.000.000đ, ông B đã giao đủ tiền hui cho Bà T; Hui đến ngày 05/7/2023 thì mãn. Sau khi hốt hui thì Bà T không đóng hui, tính đến ngày nộp đơn khởi kiện thì Bà T không đóng hui 04 kỳ hui (kỳ hui thứ 7 đến thứ 10) số tiền 24.000.000đ, ông B đã đóng hui thay cho Bà T 24.000.000đ. Dây hui này tính đến ngày khởi kiện Bà T còn nợ ông B 24.000.000đ.

Ngoài ra vào ngày 06/3/2022 âm lịch Bà T có vay của ông B số tiền 20.000.000đ, thời hạn trả tiền là 05 ngày sau khi vay tiền, Bà T trực tiếp nhận tiền từ ông B, mục đích vay tiền để đáo hạn ngân hàng, không thỏa thuận trả lãi, khi vay có làm giấy tay nội dung “.... Ngày 6-3-2022 đưa gái mượn 20.000.00đ 5 ngày trả lại”, tên Gái là tên thường gọi ở nhà của Bà T vì tin tưởng nên khi lập giấy tay vay tiền ông B không kêu Bà T ký tên xác nhận. Đến hạn trả tiền vay ông B đã nhiều lần yêu cầu Bà T trả tiền nợ trên cho Bà T nhưng Bà T không thực hiện. Khi Bà T vay tiền của ông B thì giữa bà và ông V còn là vợ chồng hợp pháp nên ông V phải có nghĩa vụ trả khoản nợ 20.000.000đ cho ông B.

Nay ông B khởi kiện yêu cầu Bà T cùng ông V liên đới trả cho ông B tổng cộng 63.000.000đ bao gồm tiền hui 43.000.000đ và tiền vay là 20.000.000đ, ông không yêu cầu tính lãi. Ông B không đồng ý cho Bà T trả dần tiền hui và tiền vay, ông yêu cầu trả một lần. Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lê Thị Tuyết trình bày: Bà T thống nhất có tham gia hội do ông B làm chủ như ông B trình bày cụ thể:

- Dây hội thứ 1: Hội trị giá 3.000.000đ, khai ngày 15/9/2020 âm lịch, 01 tháng khai một lần, hội gồm 22 phần, Bà T tham gia 01 phần, trong phiếu hội tên Thúy (Gái) số thứ tự là 3, Bà T đã hót hội vào kỳ hội thứ 3 ngày 15/12/2020 âm lịch, được số tiền 48.960.000đ, đã trừ tiền còn 1.500.000đ, ông B đã giao đủ tiền hội cho Bà T. Sau khi hót hội thì Bà T không đóng hội 04 kỳ hội cuối số tiền 12.000.000đ, ông B đã đóng hội thay cho Bà T 12.000.000đ, hội đã mãn vào ngày 15/10/2022 âm lịch. Tuy nhiên tính đến ngày ông B nộp đơn khởi kiện thì dây hội này Bà T còn nợ ông 03 kỳ số tiền 9.000.000đ.

- Dây hội thứ 2: Hội trị giá 2.000.000đ, khai ngày 10/11/2020 dương lịch, 01 tháng khai một lần, hội gồm 26 phần, Bà T tham gia 01 phần, trong phiếu hội tên Thúy (Gái) số thứ tự là 16, Bà T đã hót hội vào kỳ hội thứ 8 ngày 10/6/2021 dương lịch, được số tiền 42.260.000đ, đã trừ tiền còn 1.000.000đ, ông B đã giao đủ tiền hội cho Bà T. Hội có ngưng 03 kỳ do dịch covid. Sau khi hót hội thì Bà T không đóng hội đầy đủ, tính đến ngày nộp đơn khởi kiện Bà T không đóng hội 05 kỳ hội số tiền 10.000.000đ, ông B đã đóng hội thay cho Bà T 10.000.000đ, hội chưa mãn, hội mãn ngày 10/3/2023 dương lịch.

- Dây hội thứ 3: Hội trị giá 3.000.000đ, khai ngày 05/01/2022 âm lịch, 01 tháng khai một lần, hội gồm 19 phần, Bà T tham gia 02 phần, trong phiếu hội tên Thúy (Gái) số thứ tự là 12, 13, Bà T đã hót hội vào kỳ hội thứ 3 ngày 05/3/2022 âm lịch, được số tiền 41.700.000đ, đã trừ tiền còn 1.500.000đ và hót hội vào kỳ hội thứ 4 ngày 05/4/2022 âm lịch được số tiền 41.000.000đ, ông B đã giao đủ tiền hội cho Bà T; Hội đến ngày 05/7/2023 thì mãn. Sau khi hót hội thì Bà T không đóng hội, tính đến ngày nộp đơn khởi kiện thì Bà T không đóng hội 04 kỳ hội số tiền 24.000.000đ.

Bà T tham gia hội trong thời kỳ hôn nhân với ông V nhưng Bà T không thông báo cho ông V nên ông V không biết, mục đích tham gia hội để choàng gánh các dây hội khác do Bà T làm chủ hội nên Bà T không đồng ý liên đới với ông V trả tiền hội cho ông B, Bà T thừa nhận còn nợ ông B số tiền hội đến nay của các dây hội trên là 43.000.000đ nên bà đồng ý trả cho ông B số tiền hội 43.000.000đ.

Ngoài ra ngày 06/3/2022 âm lịch Bà T có vay của ông B số tiền 20.000.000đ, thời hạn trả tiền là 05 ngày sau khi vay tiền, Bà T trực tiếp nhận tiền từ ông B, mục đích vay tiền choàng hội do bà làm chủ thảo, không thỏa thuận trả lãi. Hiện Bà T thừa nhận còn nợ ông B số tiền 20.000.000đ, bà đồng ý liên đới với ông V trả cho ông B số tiền gốc vay là 20.000.000đ. Do hiện Bà T gặp khó khăn về kinh tế nên bà xin trả dần tiền hội và tiền vay cho ông B mỗi tháng 500.000đ thời gian trả tiền bắt đầu từ tháng 04/2023 đến khi trả hết số tiền nợ cho ông B. Ngoài ra không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V do bà Lê Thị Tuyết trình bày: Ông V thống nhất với lời trình bày của Bà T.

Vụ án được Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Ông Đặng Văn B khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Tuyết trả số tiền hui và vay phát sinh từ hợp đồng góp hui. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự chịu sự điều chỉnh của Bộ luật dân sự nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ thì tranh chấp trên thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa.

[1.2]. Bà Lê Thị Tuyết và ông Nguyễn Văn V đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 để xét xử nhưng có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn B, HĐXX xét thấy:

Ông B có tổ chức 03 dây hui cụ thể:

Dây 1: Hui mở ngày 15/9/2020 (AL), 01 tháng khai một lần, hui gồm 22 phần, Bà T tham gia 01 phần, ngày 15/12/2020 (AL) Bà T hốt được số tiền 48.960.000đ. Ông B đã giao hui cho Bà T. Hui đã mãn vào ngày 15/10/2022 (AL). Sau khi hốt hui Bà T không đóng hui cho ông B tính tới ngày khởi kiện là 03 kỳ số tiền 9.000.000đ.

Dây 2: Hui mở ngày 10/11/2020 (DL), trị giá 2.000.000đ, 01 tháng khai một lần, hui gồm 26 phần, Bà T tham gia 01 phần, ngày 10/6/2021 Bà T hốt được số tiền 42.260.000đ. Ông B đã giao hui đầy đủ cho Bà T. Sau khi hốt hui thì Bà T không đóng hui đầy đủ, tính đến ngày nộp đơn khởi kiện Bà T không đóng hui 05 kỳ số tiền 10.000.000đ.

Dây thứ 3: Hui mở ngày 05/01/2022 (AL), Hui trị giá 3.000.000đ, 01 tháng khai một lần, hui gồm 19 phần, Bà T tham gia 02 phần, ngày 05/3/2022 Bà T hốt được số tiền 41.700.000đ. Ông B đã giao hui đầy đủ cho Bà T. Sau khi hốt hui thì

Bà T không đóng hội đầy đủ, tính đến ngày nộp đơn khởi kiện Bà T không đóng hội cho ông 04 kỳ số tiền 24.000.000đ.

Vào ngày 06/3/2022 (AL) ông B cho Bà T vay số tiền 20.000.000đ, thời hạn trả tiền là 05 ngày sau khi vay tiền, mục đích vay tiền để đáo hạn ngân hàng, không thỏa thuận trả lãi. khi vay có làm giấy tay nội dung “.... Ngày 6-3-2022 đưa gái mượn 20.000.00đ, 5 ngày trả lại”. Đến hạn trả nợ Bà T không trả tiền vốn vay cho ông B.

Quá trình giải quyết vụ án Bà T thừa nhận có tham gia hội như ông B khởi kiện và xác định còn nợ ông B 43.000.000đ tiền hội tính tới ngày ông B khởi kiện. Đồng thời xác định còn nợ ông B 20.000.000đ tiền vốn vay. Nhận thấy do Bà T vi phạm nghĩa vụ của hội viên, không đóng tiền hội và vi phạm nghĩa vụ trả nợ khi nợ tới hạn nên ông B khởi kiện yêu cầu Bà T phải trả cho ông B tổng số tiền 63.000.000đ bao gồm 43.000.000đ tiền hội và 20.000.000đ tiền vốn vay là có cơ sở và được chấp nhận.

Về trách nhiệm liên đới trả nợ: Xét thấy các dây hội và khoản vay phát sinh trong thời kỳ hôn nhân đang tồn tại. Mục đích chơi hội để trang trải kinh tế gia đình và vay tiền để đáo hạn ngân hàng. Do đó, yêu cầu buộc liên đới của ông B là có cơ sở được chấp nhận.

Đối với yêu cầu xin trả dần: Bà T xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng đến khi trả hết số tiền nợ hội và nợ vay cho ông B nhưng không được ông B đồng ý. Pháp luật không quy định việc cho trả dần nên ý kiến của Bà T không được chấp nhận. Buộc Bà T ông V phải liên đới trả 01 lần số tiền nợ hội và vay cho ông B.

Về lãi suất: Ông B không yêu cầu Bà T ông V phải trả lãi trên số tiền nợ hội nên HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của ông B được chấp nhận nên bà Tuyết ông V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho ông B theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Ông B không phải chịu án phí và được miễn nộp tiền tạm ứng án phí do là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26 và các Điều 35, 39, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, 466, 470, 471 Bộ luật dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ; Điều 27, Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016; Điều 26 luật thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn B đối với bà Lê Thị Tuyết và ông Nguyễn Văn V về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Lê Thị Tuyết và ông Nguyễn Văn V liên đới trả cho ông Đặng Văn B tổng số tiền 63.000.000đ bao gồm 43.000.000đ tiền hụi và 20.000.000đ tiền vốn vay.

Kể từ ngày ông Đặng Văn B có đơn yêu cầu thi hành án, thì bà Lê Thị Tuyết và ông Nguyễn Văn V phải liên đới chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Tuyết và ông Nguyễn Văn V phải liên đới chịu 3.150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt bản án hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án được quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật Thi hành dân sự án.

***Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh Long An;
- THA, VKS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu AV, HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hương